

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2018
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc
2. Bà Vương Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: ông K' My Na là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976; trú tại: Đội 14, xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ liên lạc: Số 10, đường N, tổ 10, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T; trú tại: số 39, H, tổ 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Ngõ 171, tổ dân phố 2, Quốc lộ 20, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (Khu vực Nhà máy chè 2-9 cũ). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/12/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có sự bàn bạc trong làm ăn dẫn đến kinh tế trong gia đình sa sút. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2011 cho đến nay. Ông về quê tại huyện Y, tỉnh Nam Định sinh sống, còn bà Thùy sống tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Nay ông nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc và không thể tiếp tục sống chung với nhau vì mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T để hai bên tự xây dựng cuộc sống riêng.

Bị đơn bà Phạm Thị T thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông N trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà và ông N thực tế đã sống ly thân từ năm 2011, không còn yêu thương, quan tâm lẫn nhau và thực tế hôn nhân đã không còn tồn tại, do đó ông N yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: ông N và bà T thống nhất xác định có 02 con chung tên Nguyễn Trung S, sinh ngày 02/10/2005 và Nguyễn Thị Trúc U, sinh ngày 25/02/2008. Khi ly hôn ông N và bà T thống nhất giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng; ông N đề nghị được cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, còn bà T đề nghị được cấp dưỡng nuôi con một lần.

Về tài sản chung: hai bên thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung; về nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 19/4/2018 nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn ông N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà T giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N và bà T; Về con chung: giao con chung 02 con chung tên Nguyễn Trung S, sinh ngày 02/10/2005 và Nguyễn Thị Trúc U, sinh ngày 25/02/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000

đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông N và bà T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2011 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do sự không thống nhất trong vấn đề làm ăn kinh tế, không có sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến việc hai bên đã sống ly thân; ông N về Nam Định sinh sống, còn bà T sinh sống tại Lâm Đồng. Nay ông N và bà T đều xác định hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và bà T cũng đồng ý, do đó đã có đủ cơ sở cho ông N và bà T thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: dựa trên lời khai thống nhất của ông N và bà T giấy khai sinh của các con thì đã có đủ cơ sở xác định ông N và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Trung S, sinh ngày 02/10/2005 và Nguyễn Thị Trúc U, sinh ngày 25/02/2008. Khi ly hôn ông N và bà T thống nhất giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng; xét việc thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của hai con vì vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của ông N, bà T đối với việc giao người trực tiếp nuôi con chung. Riêng việc bà T có tranh chấp đề nghị ông N cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng nhưng đề nghị được cấp dưỡng một lần, xét yêu cầu này của bà T đưa ra là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, ông N làm nghề lái xe, thu nhập không cao so với mặt bằng chung của xã hội, mặt khác hoàn cảnh kinh tế ông N hiện tại không hoàn toàn dư giả để cấp dưỡng làm một lần. Do đó, cần buộc ông N cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cũng đảm bảo cho việc hỗ trợ nuôi con chung và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện tại của ông N.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: ông N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 259, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Trung S, sinh ngày 02/10/2005 và Nguyễn Thị Trúc U, sinh ngày 25/02/2008 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi.

2.2. Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn N phải chịu phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003164 ngày 22/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Ông Nguyễn Văn N còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND thị trấn Di Linh, huyện Di Linh;
- Đương sự;
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Công Hoàn

